

Bản án số: 37/2021/HN-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Minh

2. Bà Phan Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Thu Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2021/TLST- HN ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20a/2021/QĐXXST- HN ngày 5 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trương Phước H, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: chị Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa anh H có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trương Phước H trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2018. Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Trương Đoàn Phước V sinh ngày 29/8/2018. Quá trình chung sống anh và chị T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Chị T bỏ nhà đi từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Sau khi ly hôn anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh.

Về con chung: anh yêu cầu anh được nuôi con chung tên Trương Đoàn Phước Vinh sinh ngày 29/8/2018 và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 01/3/2021 và bản tường trình, bị đơn chị Đoàn Thị Ngọc T trình bày: chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh H, chị bận công việc không sắp xếp được thời gian tham dự phiên tòa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử, chị không khiếu nại về sau. Trong quá trình chung sống chị và anh H có một con chung tên Trương Đoàn Phước Vinh sinh ngày 29/8/2018 chị đồng ý giao con chung cho anh H nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh H phải tạo điều kiện cho chị đến thăm nom và giáo dục con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chị T yêu cầu giải quyết vắng mặt chị. Về nội dung vụ án: hiện mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của anh H xin được ly hôn với chị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Trương Phước H được ly hôn với chị Đoàn Thị Ngọc T. Con chung: Giao con chung tên Trương Đoàn Phước V sinh ngày 29/8/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh H khai không có, không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: anh H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Anh H trình bày sau khi kết hôn anh và chị T chung sống có được 01 con chung tên Trương Đoàn Phước V sinh ngày 29/8/2018. Quá trình chung sống anh và chị T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Chị T bỏ nhà đi từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị T anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có trực tiếp nhận hồ khởi kiện của anh H, chị T có đơn nộp trực tiếp tại Tòa án yêu cầu giải quyết vắng mặt chị trong phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh H và chị T đã có phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, thực tế chị T đã bỏ

nhà đi và sống ly thân với anh H đã hơn một năm. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị T cũng đồng ý ly hôn, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó cho thấy chị T không có Tệch chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa anh H vẫn cương quyết xin ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, từ những nhận định trên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Phước H.

[5] Về con chung: anh H và chị T có một con chung tên Trương Đoàn Phước V sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018. Anh H yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: anh H có thu nhập ổn định hàng tháng, có khả năng tài chính nuôi con, hiện tại con chung đang sống cùng anh H có môi trường sinh sống, học tập ổn định và đang phát triển bình thường, chị T cũng đồng ý giao con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và không tranh chấp. Do đó, giao Trương Đoàn Phước V sinh ngày 29/8/2018 cho anh H nuôi dưỡng và tạo điều kiện chị T tới lui thăm nom, chăm sóc con chung là phù hợp. Ghi nhận việc anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Phước H đối với chị Đoàn Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: anh Trương Phước H được ly hôn với chị Đoàn Thị Ngọc T.

Về con chung: anh Trương Phước H được trực tiếp nuôi con chung Trương Đoàn Phước V sinh ngày 29/8/2018. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị Ngọc T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần Tết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận anh Trương Phước H không yêu cầu chị Đoàn Thị Ngọc T cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn

Về tài sản chung: anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh H phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004982 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục T hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, có quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự”.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UB xã Quới Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh